

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**DỰ THẢO**  
(Tháng 11/2024)

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công sửa đổi ngày ... tháng ... năm 2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đấu thầu ngày ... Tháng ... năm 2024

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“a) Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là Luật PPP) về lĩnh vực đầu tư, quy mô dự án PPP; Hội đồng thẩm định dự án PPP; các nội dung trong chuẩn bị dự án PPP, dự án áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán; lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP; xác nhận hoàn thành và chuyển giao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng; chấm dứt hợp đồng dự án PPP; xử lý tình huống, xử lý vi phạm trong đầu tư theo phương thức PPP.”

2. Bãi bỏ Điều 2.

3. Sửa đổi khoản 1 Điều 8 như sau:

“1. Hội đồng thẩm định liên ngành do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định thành lập theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Luật PPP.”

4. Sửa đổi khoản 3 Điều 16 như sau:

“3. Chi phí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được bố trí từ nguồn vốn đầu tư công, *chi thường xuyên*, nguồn vốn hợp pháp khác và được đơn vị chuẩn bị dự án PPP *hoặc cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ đề xuất dự án (trường hợp nhà đầu tư đề xuất dự án)* thanh toán theo quy định của hợp đồng thuê tư vấn thẩm tra và đề nghị của cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định.”

5. Sửa đổi Điều 17 như sau:

a) Bãi bỏ khoản 4;

b) Sửa đổi khoản 5 Điều 17:

“5. Việc sử dụng các nguồn vốn sau đây thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế tài chính trong dự án PPP:

a) Vốn chi thường xuyên để thanh toán cho doanh nghiệp dự án PPP;

b) Vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để thanh toán cho doanh nghiệp dự án PPP;

c) Dự phòng ngân sách nhà nước để chi trả phần giảm doanh thu; *chi phí bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.*”

6. Sửa đổi khoản 1 Điều 18 như sau:

“1. Thời gian thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP được tính kể từ ngày Hội đồng thẩm định dự án hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này hoặc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm tra đối với trường hợp thuê tư vấn thẩm tra, cụ thể như sau:

a) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ: không quá **40** ngày;

b) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: không quá **25** ngày.”

7. Bãi bỏ Điều 19.

8. Bãi bỏ khoản 2 Điều 20.

9. Bãi bỏ khoản 4 Điều 21.

10. Sửa đổi Điều 24 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1:

“1. *Đơn vị chuẩn bị dự án PPP* lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP

theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật PPP và Mẫu số 01 Phụ lục III kèm theo Nghị định này.”

b) Sửa đổi khoản 3:

**“3. Hội đồng thẩm định các cấp hoặc đơn vị trực thuộc bộ, cơ quan trung ương, cơ quan khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP lập báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Luật PPP và Mẫu số 02 Phụ lục III kèm theo Nghị định này.**

Đối với dự án PPP thuộc trường hợp chỉ cần lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, nội dung thẩm báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định tương ứng tại khoản 2 Điều 20 của Luật PPP.”

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 26 như sau:

“1. Thời gian thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP được tính kể từ ngày Hội đồng thẩm định hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này hoặc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm tra đối với trường hợp thuê tư vấn thẩm tra, cụ thể như sau:

a) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ: không quá 70 ngày;

b) Dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: không quá 45 ngày, **đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán không quá 20 ngày.**”

12. Sửa đổi Điều 28 như sau:

a) Sửa đổi khoản 2:

“2. Việc giao cho nhà đầu tư tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản giữa cơ quan có thẩm quyền và nhà đầu tư. Văn bản thỏa thuận bao gồm nội dung về mục đích; yêu cầu; **tên cơ quan, đơn vị chủ trì tiếp nhận báo cáo nghiên cứu khả thi do nhà đầu tư lập; chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi;** chi phí thuê tư vấn độc lập thẩm tra và nguyên tắc xử lý trong các trường hợp sau đây:

a) Trường hợp báo cáo nghiên cứu khả thi không được phê duyệt hoặc không lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện dự án, nhà đầu tư chịu mọi rủi ro, chi phí;

b) Trường hợp sau khi tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, nhà đầu tư đề xuất dự án không được lựa chọn, chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi sẽ do nhà đầu tư được lựa chọn hoàn trả cho nhà đầu tư đề xuất.”

b) Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Báo cáo nghiên cứu khả thi do nhà đầu tư tổ chức lập được thẩm định theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 27 của Luật PPP, khoản 3 Điều 24 và Điều 26 của Nghị định này. *Cơ quan, đơn vị chủ trì tiếp nhận báo cáo nghiên cứu khả thi do nhà đầu tư lập thực hiện thủ tục trình thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi và trình phê duyệt dự án PPP.*”

13. Bổ sung Điều 28a như sau:

**“Điều 28a. Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán**

**1. Dự án áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán do nhà đầu tư đề xuất phải đáp ứng các điều kiện sau đây:**

**a) Phù hợp với điều kiện lựa chọn dự án để đầu tư theo phương thức PPP quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 14 và khoản 3 Điều 20 của Luật này;**

**b) Không trùng với dự án PPP đang được cơ quan có thẩm quyền tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc đã chấp thuận nhà đầu tư khác lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;**

**c) Phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.**

**2. Trình tự đề xuất, thẩm định, phê duyệt dự án:**

**a) Nhà đầu tư gửi văn bản đề xuất thực hiện dự án đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật PPP. Trường hợp chưa xác định được cơ quan có thẩm quyền, nhà đầu tư liên hệ cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư theo phương thức PPP tại địa phương có địa bàn thực hiện dự án để được hướng dẫn. Trường hợp sau khi làm việc với cơ quan quản lý nhà nước nhưng vẫn không xác định được cơ quan có thẩm quyền, nhà đầu tư liên hệ cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư theo phương thức PPP tại trung ương;**

**b) Cơ quan có thẩm quyền xem xét, trả lời bằng văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi và dự thảo hợp đồng. Nội dung văn bản chấp thuận bao gồm: tên nhà đầu tư, thời hạn, địa điểm nộp hồ sơ đề xuất dự án; cơ quan, đơn vị chủ trì tiếp nhận hồ sơ đề xuất dự án, thực hiện thủ tục trình, thẩm định, phê duyệt dự án; cách thức phối hợp với các tổ chức, đơn vị thuộc cơ quan có thẩm quyền và nội dung khác có liên quan. Trường hợp không chấp thuận thì nêu rõ lý do;**

**c) Trường hợp được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, nhà đầu tư lập hồ sơ đề xuất dự án bao gồm: báo cáo nghiên cứu khả thi, dự thảo hợp đồng, hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư và gửi hồ sơ đề xuất dự án đến cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp hồ sơ đề xuất dự án**

*không được chấp thuận thì nhà đầu tư chịu mọi chi phí, rủi ro.*

*d) Cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định hồ sơ đề xuất dự án theo quy định tại Điều 20 của Luật PPP và Mẫu số 01b Phụ lục III kèm theo Nghị định này.*

*đ) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án kèm theo dự thảo hợp đồng theo quy định tại Điều 23 của Luật PPP và Mẫu số 03 Phụ lục III kèm theo Nghị định này, tổ chức công bố thông tin dự án theo quy định tại Điều 25 của Luật PPP.*

**3. Việc điều chỉnh dự án PPP thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 24 của Luật PPP**

**4. Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi được tính vào tổng mức đầu tư của dự án.”**

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 30 như sau:

“1. Đối tượng được hưởng ưu đãi và mức ưu đãi:

*a) Nhà đầu tư có giải pháp ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường đối với dự án thuộc nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường được hưởng mức ưu đãi 5% khi đánh giá hồ sơ dự thầu;*

*b) Nhà đầu tư có hồ sơ đề xuất dự án được chấp thuận, nhà đầu tư có cam kết sử dụng nhà thầu trong nước tham gia thực hiện dự án với giá trị công việc chiếm tỷ lệ từ 25% tổng mức đầu tư của dự án trở lên được hưởng mức ưu đãi 3% khi đánh giá hồ sơ dự thầu;*

*c) Nhà đầu tư khi tham gia lựa chọn nhà đầu tư quốc tế có cam kết sử dụng hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị trong nước để thực hiện dự án với giá trị chiếm tỷ lệ từ 25% tổng mức đầu tư của dự án trở lên được hưởng mức ưu đãi 2% khi đánh giá hồ sơ dự thầu*

*d) Nhà đầu tư cam kết chuyển giao công nghệ, thực hiện hoạt động công nghệ cao đối với các công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định của pháp luật về công nghệ cao hoặc thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ được hưởng mức ưu đãi 2% khi đánh giá hồ sơ dự thầu.”*

15. Sửa đổi khoản 6 và khoản 7 Điều 32 như sau:

a) Sửa đổi khoản 6:

**“6. Chi phí trong lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia được áp dụng theo quy định tương ứng tại điểm a khoản 11 Điều 12 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. Chi phí nộp hồ sơ dự thầu, chi phí đối với nhà đầu tư trúng thầu và chi phí kết nối chức năng bảo lãnh dự thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia thực hiện theo lộ trình áp dụng lựa chọn nhà đầu tư qua mạng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 93 của Nghị định này.”;**

b) Sửa đổi khoản 7:

**“7. Chi phí quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 Điều này và chi phí trong lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia quy định tại khoản 6 Điều này được tính vào tổng mức đầu tư của dự án quy định tại khoản 1 Điều 73 của Luật Đấu thầu.”.**

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:

**“Điều 33. Yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm đối với tổ chuyên gia, đơn vị thẩm định**

1. Tổ chuyên gia gồm các cá nhân có năng lực, kinh nghiệm được bên mời thầu thành lập để đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự đàm phán, hồ sơ dự thầu và thực hiện các nhiệm vụ khác trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư.

2. Đơn vị thẩm định gồm các cá nhân có năng lực, kinh nghiệm được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ thẩm định các nội dung trong lựa chọn nhà đầu tư.

3. Căn cứ tính chất và mức độ phức tạp của dự án, thành phần tổ chuyên gia, đơn vị thẩm định bao gồm các chuyên gia về lĩnh vực kỹ thuật, tài chính, thương mại, hành chính, pháp lý và các lĩnh vực khác có liên quan. Thành viên tổ chuyên gia, đơn vị thẩm định phải đáp ứng yêu cầu sau đây:

a) Có chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Có trình độ chuyên môn liên quan đến dự án;

c) Có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của dự án;

d) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật; không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

đ) Có tối thiểu 05 năm công tác thuộc một trong các lĩnh vực liên quan đến nội dung pháp lý, kỹ thuật, tài chính của dự án: có kinh nghiệm hoặc thực hiện các nội dung liên quan đến kỹ thuật nêu trong hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời đàm phán, hồ sơ mời thầu hoặc các công việc về tài chính hoặc các công việc về pháp lý.

4. Trường hợp cần ý kiến của chuyên gia chuyên ngành thì các chuyên gia

này không bắt buộc có *chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu*.”.

17. Bổ sung khoản 3 và khoản 4 Điều 35 như sau:

a) Bổ sung khoản 3:

**“3. Đối với dự án loại hợp đồng O&M, trong trường hợp tổng mức đầu tư dự án bao gồm cả chi phí nộp ngân sách nhà nước, sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền vào ngân sách nhà nước, nhà đầu tư được hoàn trả hoặc giải tỏa phần bảo đảm thực hiện hợp đồng với tỷ lệ tương ứng phần tiền nộp vào ngân sách nhà nước. Phần bảo đảm thực hiện hợp đồng còn lại được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP hoàn thành nghĩa vụ còn lại theo hợp đồng.”;**

b) Bổ sung khoản 4:

**“4. Trường hợp quyết định chủ trương đầu tư dự án hoặc quyết định phê duyệt dự án có phân kỳ tiến độ thì bên mời thầu báo cáo người có thẩm quyền quy định trong hồ sơ mời thầu nội dung bảo đảm thực hiện hợp đồng được hoàn trả theo từng phân kỳ căn cứ thỏa thuận tại hợp đồng dự án, trừ trường hợp không được hoàn trả.”.**

18. Sửa đổi điểm đ khoản 2 Điều 38 như sau:

“đ Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư bao gồm:

- Năng lực tài chính - thương mại: khả năng huy động vốn chủ sở hữu, vốn vay; khả năng triển khai phương thức kinh doanh, khai thác công trình dự án, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công;

- Yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt (nếu cần thiết);

- **Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự, kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công; (đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BOT, BTO, BOO, BTL, BLT, hợp đồng hỗn hợp);**

- **Kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công (đối với dự án áp dụng loại hợp đồng O&M);**

Trường hợp liên danh, nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có cam kết tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 30%, từng thành viên trong liên danh có cam kết tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 15% tại thỏa thuận liên danh. **Phải có ít nhất một thành viên liên danh có kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công (đối với dự án áp dụng loại hợp đồng O&M) hoặc ít nhất một thành viên liên danh hoặc nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có thỏa thuận hợp tác với đối tác có kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp**

***sản phẩm, dịch vụ công tương tự (đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BOT, BTO, BOO, BTL, BLT, hợp đồng hỗn hợp).***

Căn cứ tính chất, yêu cầu cụ thể của dự án, hồ sơ mời sơ tuyển được quy định tiêu chí ưu tiên nhà đầu tư có kinh nghiệm thực hiện dự án PPP tương tự tại các nước thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (Organization for Economic Cooperation and Development - OECD).”

19. Sửa đổi Điều 49 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. ***Hồ sơ mời thầu được phê duyệt*** căn cứ vào các hồ sơ, tài liệu sau đây:

a) Quyết định phê duyệt dự án PPP, trừ dự án quy định tại điểm d khoản này;

b) Kết quả sơ tuyển đối với dự án áp dụng đấu thầu rộng rãi có sơ tuyển;

c) Kết quả đàm phán, trao đổi về nội dung hồ sơ mời thầu đối với dự án quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật PPP;

d) Quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP và kết quả đàm phán với nhà đầu tư đối với dự án quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 38 của Luật PPP;

đ) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP (đối với dự án quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 38 của Luật PPP), báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP và các tài liệu liên quan;

e) Các quy định của pháp luật và chính sách của Nhà nước có liên quan.

Trường hợp cần thiết, căn cứ yêu cầu thực tế của dự án, cơ quan có thẩm quyền quyết định việc lập hồ sơ mời thầu ***đồng thời với*** thiết kế sau thiết kế cơ sở và dự toán nhưng phải bảo đảm không làm hạn chế tính cạnh tranh trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư, không hạn chế quyền thay đổi hoặc tự thực hiện thiết kế sau thiết kế cơ sở của nhà đầu tư và không làm kéo dài thời gian thực hiện dự án.”.

b) Sửa đổi khoản 4 như sau:

“4. Trường hợp dự án PPP hình thành tiểu dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 70 của Luật PPP, cơ quan có thẩm quyền tổ chức việc lập, thẩm định ***thiết kế kỹ thuật (đối với dự án yêu cầu thiết kế ba bước theo quy định của pháp luật về xây dựng)*** và dự toán của tiểu dự án (bao gồm cả chi phí hoạt động của cơ quan ký kết hợp đồng trong việc tổ chức thực hiện công tác giám sát thi công, nghiệm thu hoàn thành công trình), làm cơ sở để phê duyệt các nội dung này đồng thời với hồ sơ mời thầu. ***Thiết kế và dự toán ở bước thiết kế bản vẽ thi công tiếp đó được lập, thẩm định và phê duyệt theo quy định của Điều 57 Luật PPP.***”

20. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 50 như sau:

“a) Việc đánh giá về tài chính - thương mại căn cứ theo phương pháp so sánh, xếp hạng quy định trong hồ sơ mời thầu. Trong hồ sơ mời thầu phải xác



định **một trong các tiêu chuẩn** về giá, phí sản phẩm, dịch vụ công; vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng; lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 42 của Luật PPP để so sánh, xếp hạng nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về tài chính - thương mại. Nhà đầu tư xếp thứ nhất được xem xét đề nghị trúng thầu.

Đối với dự án PPP có tiểu dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 70 của Luật PPP, hồ sơ mời thầu không áp dụng tiêu chuẩn vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.”

21. Bổ sung điểm c1 khoản 4 Điều 64 như sau:

**“c1) Trường hợp dự án được phân kỳ đầu tư, yêu cầu về khả năng huy động vốn chủ sở hữu, vốn vay được đàm phán trên cơ sở tổng mức đầu tư dự án giai đoạn phân kỳ và cam kết của nhà đầu tư, ngân hàng về khả năng huy động vốn chủ sở hữu, vốn vay cho giai đoạn hoàn thiện.”**

22. Sửa đổi khoản 4 Điều 76 như sau:

**“4. Trường hợp dự án PPP hình thành tiểu dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 70 của Luật PPP, việc thanh toán đối với công trình hoàn thành của tiểu dự án thực hiện theo tiến độ, lộ trình tổng thể của dự án PPP được thống nhất giữa cơ quan ký kết hợp đồng và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án.”**

23. Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 78 như sau:

**“3. Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán:**

**a) Trường hợp công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng có toàn bộ hạng mục công trình được nghiệm thu, đủ điều kiện đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng, nhà đầu tư hoặc doanh nghiệp dự án PPP (trường hợp nhà đầu tư đề xuất thành lập) có văn bản đề nghị chuyển giao kèm theo hồ sơ đề nghị chuyển giao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng đến cơ quan ký kết hợp đồng.**

**b) Cơ quan ký kết hợp đồng thực hiện ký biên bản nhận chuyển giao tài sản và lập hồ sơ, báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, xác định cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ vận hành, kinh doanh, bảo trì công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng;**

**c) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản, cơ quan ký kết hợp đồng dự án chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về tài sản, cơ quan tài chính và các cơ quan khác có liên quan (nếu cần) thực hiện công việc theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;**

**d) Chậm nhất 30 ngày trước ngày chấm dứt hợp đồng dự án PPP theo thời hạn quy định tại hợp đồng, cơ quan ký kết hợp đồng phối hợp cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ vận hành, kinh doanh và bảo trì công trình, hệ**

**thống cơ sở hạ tầng tổ chức thực hiện nội dung quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;**

**đ) Sau khi xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện quản lý, vận hành, khai thác công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, bảo đảm tính liên tục, chất lượng của việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.”**

24. Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 79 như sau:

**“3. Đối với dự án PPP áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán, nhà đầu tư hoặc doanh nghiệp dự án PPP (trường hợp nhà đầu tư đề xuất thành lập) bổ sung báo cáo tính đáp ứng của o công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng đối với nguyên tắc, điều kiện quy định tại Điều 77 của Nghị định này trong hồ sơ đề nghị chuyển giao công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng.”**

25. Sửa đổi Điều 81 như sau:

a) Sửa đổi điểm đ khoản 2:

**“đ) Thời gian để các bên khắc phục; dự kiến phương án về chi phí xử lý tương ứng với trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn; thực hiện kiểm toán của Kiểm toán nhà nước theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền hoặc kiểm toán độc lập do cơ quan ký kết hợp đồng lựa chọn;”;**

b) Sửa đổi khoản 4:

**“4. Khi hợp đồng dự án PPP bị chấm dứt trước thời hạn và cần lựa chọn nhà đầu tư thay thế để ký kết hợp đồng mới, cơ quan ký kết hợp đồng thông báo với bên cho vay về việc phối hợp xác định nhà đầu tư được đề nghị chỉ định làm nhà đầu tư thay thế. Việc chỉ định nhà đầu tư thay thế thực hiện theo quy định tại Điều 67 và Điều 68 của Nghị định này. Trường hợp chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà đầu tư quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này, nhà đầu tư có trách nhiệm chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp cho nhà đầu tư thay thế theo quy định tại khoản 6 Điều 52 của Luật PPP.”.**

26. Sửa đổi khoản 2 Điều 82 như sau:

**“2. Trường hợp dự án PPP phải chấm dứt hợp đồng trước thời hạn do cơ quan ký kết hợp đồng vi phạm nghiêm trọng việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng, việc chi trả bồi thường cho nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án thực hiện như sau:**

a) Hình thành dự án sử dụng vốn đầu tư công. Trình tự phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư dự án thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công;

b) Sử dụng dự phòng vốn đầu tư công;

c) Nguồn vốn hợp pháp khác.

**Việc sử dụng vốn đầu tư công để bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thực hiện theo quy định tại khoản 6a Điều 52 của Luật PPP.”**

27. Bổ sung một số khoản vào sau khoản 11 Điều 83 như sau:

a) Bổ sung khoản 11a:

**“11a. Trường hợp vì lý do bất khả kháng mà đối tác do nhà đầu tư đã đề xuất tại hồ sơ dự thầu để chứng minh kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng không thể tham gia trong quá trình thực hiện hợp đồng, nhà đầu tư được thay đổi đối tác khác có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc cao hơn đối tác do nhà đầu tư đề xuất tại hồ sơ dự thầu nhưng phải bảo đảm không làm ảnh hưởng các đề xuất khác trong hồ sơ dự thầu. Trong trường hợp này, bên mời thầu xem xét, đánh giá năng lực, kinh nghiệm của đối tác trên cơ sở yêu cầu của hồ sơ mời thầu, báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định.”;**

b) Bổ sung khoản 11b:

**“11b. Đối với các dự án chưa có dự án tương tự về tổng mức đầu tư, căn cứ dữ liệu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia về các dự án đã lựa chọn được nhà đầu tư, bên mời thầu báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quy định tại hồ sơ mời thầu yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự bằng hoặc không thấp hơn 90% mức yêu cầu trong hồ sơ mời thầu của dự án cùng ngành, lĩnh vực có tổng mức đầu tư gần nhất với dự án đang xét. Trong trường hợp này, người có thẩm quyền được quy định giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 3% tổng vốn đầu tư của dự án.”;**

c) Bổ sung khoản 11c:

**“11c. Đối với các dự án có yêu cầu ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nhà đầu tư được sử dụng dự án, công trình do mình góp vốn chủ sở hữu và trực tiếp thực hiện mà công nghệ đã được đưa vào vận hành thử nghiệm thành công để chứng minh kinh nghiệm công trình, dự án tương tự. Dự án tương tự phải có tài liệu chứng minh công nghệ, kỹ thuật được công nhận theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và pháp luật khác có liên quan. Trong trường hợp này, người có thẩm quyền quy định giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 3% tổng mức đầu tư của dự án.”;**

d) Bổ sung khoản 11d:

**“11d. Trường hợp đơn vị chuẩn bị dự án, bên mời thầu đăng tải thông tin trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia khác với các thông tin đã được phê duyệt trước thời điểm đóng thầu thì đơn vị chuẩn bị dự án, bên mời thầu báo cáo người có thẩm quyền hủy thông tin đã đăng tải để tiến hành đăng tải lại.”;**

đ) Bổ sung khoản 11đ:

**“11đ. Trường hợp nhà đầu tư đang trong quá trình tham dự thầu nhưng bị sáp nhập thì nhà đầu tư sau khi sáp nhập được tiếp tục tham dự**

*thầu và được thừa hưởng năng lực, kinh nghiệm trong đấu thầu của nhà đầu tư bị sáp nhập.”;*

e) Bổ sung khoản 11e:

*“11e. Trường hợp chi nhánh, xí nghiệp, văn phòng đại diện được tách ra khỏi pháp nhân theo quy định của pháp luật về dân sự thì nhà đầu tư tiếp nhận hoặc nhà đầu tư hình thành từ chi nhánh, xí nghiệp, văn phòng đại diện được kế thừa năng lực, kinh nghiệm trong đấu thầu mà chi nhánh, xí nghiệp, văn phòng đại diện đã thực hiện.”.*

28. Sửa đổi, bổ sung Điều 91 như sau:

a) Bổ sung khoản 1a như sau:

- Phương án 1: *“1a. Trường hợp dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (bằng văn bản hành chính hoặc thông qua Quyết định phê duyệt quy hoạch, kế hoạch), phê duyệt đề xuất dự án, chấp thuận sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực thi hành trước ngày Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư có hiệu lực thi hành mà đủ điều kiện chuyển tiếp theo quy định tại Điều 101 của Luật PPP thì tiếp tục được áp dụng các ưu đãi, bảo đảm theo văn bản chấp thuận, phê duyệt đó.”*

- Phương án 2: *“1a. Dự án PPP đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư (bằng văn bản riêng hoặc theo Quyết định phê duyệt quy hoạch, kế hoạch), phê duyệt đề xuất dự án, chấp thuận sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực thi hành trước ngày Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư có hiệu lực thi hành, đủ điều kiện chuyển tiếp theo quy định tại Điều 101 của Luật PPP thì tiếp tục được áp dụng các ưu đãi, bảo đảm theo văn bản được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc theo Quyết định phê duyệt quy hoạch, kế hoạch.”*

b) Bổ sung khoản 19 như sau:

*“19. Dự án PPP đã ký kết hợp đồng trước ngày Luật PPP có hiệu lực thi hành cần thực hiện biện pháp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn nhưng hợp đồng đã ký kết không có điều khoản quy định cụ thể việc được chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì cho phép được thanh lý, chấm dứt hợp đồng trên cơ sở đồng thuận của các bên ký kết hợp đồng và đảm bảo lợi ích của Nhà nước.”*

29. Sửa đổi khoản 1a Điều 110 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng (được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 36 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng)

- Phương án 1: Bãi bỏ.

- Phương án 2: “1a. Việc chuyển tiếp thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Trường hợp dự án BT được chuyển tiếp theo quy định của pháp luật về PPP (dự án BT đã lựa chọn được nhà đầu tư nhưng chưa lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, dự án BT điều chỉnh) thì thẩm quyền, nội dung và trình tự thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được thực hiện theo quy định đối với *dự án đầu tư công*.”

30. Sửa đổi, bổ sung một số Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định như sau:

a) Bổ sung Mẫu số 01a - Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án áp dụng loại hợp đồng Kinh doanh - Quản lý (O&M) Phụ lục III;

b) Bổ sung Mẫu số 01b – Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án áp dụng dự án áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán, Phụ lục III.

c) Sửa đổi Mục II Phụ lục VI:

“Các nội dung dưới đây được sắp xếp, trình bày trong các thành phần của Hợp đồng mẫu dự án PPP căn cứ tính chất, đặc điểm của từng ngành, lĩnh vực và loại hợp đồng của dự án. *Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng O&M, căn cứ quy định tại Mẫu số 01a Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này, nội dung của hợp đồng được lựa chọn, sửa đổi, bổ sung các nội dung tương ứng để phù hợp với tính chất của loại hợp đồng O&M.*”

## **Điều 2. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**THỦ TƯỚNG**

**Phạm Minh Chính**

- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN ( )